

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÁCH - THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Giám đốc	1 - 5
Báo cáo kiểm toán	6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009	7 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009	12 - 13
Thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang được thành lập theo:

- Quyết định số 1760/QĐ-UB ngày 26 tháng 6 năm 2003 của Ủy Ban Nhân Dân (UBND) Tỉnh Kiên Giang.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 56-03-000014 ngày 11 tháng 7 năm 2003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Kiên Giang cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700418394 vào ngày 12 tháng 02 năm 2009.

Trụ sở chính được đặt tại số 40, Đường Phạm Hồng Thái, Phường Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 12.310.600.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31/12/2009 gồm:

- Nhà sách Đông Hồ 1 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000807, ngày 26 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-001 vào ngày 25 tháng 02 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.
- Nhà sách Đông Hồ 2 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000808, ngày 26 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-002 vào ngày 25 tháng 02 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.
- Xưởng Mộc Rạch Sỏi được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh đầu số 56-13-000810, ngày 26 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-003 vào ngày 25 tháng 02 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.
- Cửa hàng Thiết Bị Đông Hồ được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh đầu số 56-13-000811, ngày 26 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-004 vào ngày 25 tháng 02 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.
- Nhà sách Đông Hồ Ròng Giềng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000876, ngày 09 tháng 07 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-005 vào ngày 25 tháng 02 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (1610);
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện (1629);
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì (1702);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bì (17090);
- In ấn (18110); Dịch vụ liên quan đến in (18120);
- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác (46491);
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (46493);
- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh (46494);
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện (46495);
- Bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự (46496);
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (46497);
- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao (46498);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (46499);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (46510);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (46520);
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) (46592);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) (46594);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (46599);
- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) (46692);
- Bán buôn chuyên doanh khác còn lại (46699);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (4719);
- Bán lẻ lương thực (47210); Bán lẻ thực phẩm (4722); Bán lẻ đồ uống (47230);
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông (4741);
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn (47420);

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (4752);
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác (4759);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (47610);
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) (47620);
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao (47630);
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi (47640);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da (4771);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới (4773);
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (47910);
- Bán lẻ hình thức khác (47990);
- Xuất bản sách (58110); Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (58130);
- Xuất bản phần mềm (58200); Lập trình máy vi tính (62010);
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính (62020);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (62090);
- Photo, chuẩn bị tài liệu (82191); Hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (82199);
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (95110); sửa chữa thiết bị liên lạc (95120);
- Đại lý internet.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Châu Văn Hiếu	Chủ tịch
Ông Đỗ Hiếu Liêm	Thành viên
Ông Nguyễn Hùng Dũng	Thành viên
Ông Dương Văn Tài	Thành viên
Ông Lâm Văn Nguyễn Huy	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Thanh Bình	Trưởng ban
Bà Nguyễn Kim Phượng	Thành viên
Bà Vũ Thị Thu Hương	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Hùng Dũng	Giám Đốc
Ông Đỗ Ngọc Sơn	Phó Giám Đốc

3. Tình hình kinh doanh năm 2009

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2009 được trình bày trên Báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính và không có bất kỳ khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

6. Ý kiến của Giám Đốc

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Kiên Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2010

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HÙNG DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		19.588.547.488	20.573.565.886
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	1.462.328.732	3.018.732.544
1. Tiền	111		1.462.328.732	3.018.732.544
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130	(5.2)	4.484.785.698	5.203.437.816
1. Phải thu khách hàng	131		4.404.368.350	4.972.757.439
2. Trả trước cho người bán	132		111.766.223	260.033.752
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		40.418.000	50.600.000
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(71.766.875)	(79.953.375)
IV. Hàng tồn kho	140	(5.3)	13.627.033.058	12.246.595.526
1. Hàng tồn kho	141		13.649.902.451	12.270.437.395
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(22.869.393)	(23.841.869)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.400.000	104.800.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		14.400.000	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158			104.800.000

(Phần tiếp theo ở trang 8)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.008.279.478	6.067.267.902
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		7.042.166.440	5.349.777.642
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.4)	4.987.611.440	3.295.222.642
- Nguyên giá	222		7.901.778.217	5.697.472.429
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.914.166.777)	(2.402.249.787)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	(5.5)	2.054.555.000	2.054.555.000
- Nguyên giá	228		2.065.225.000	2.065.225.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.670.000)	(10.670.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		895.000.000	376.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	(5.6)	895.000.000	376.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.071.113.038	341.490.260
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.7)	1.071.113.038	341.490.260
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		28.596.826.966	26.640.833.788

(Phần tiếp theo ở trang 9)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		10.779.518.067	10.960.711.322
I. Nợ ngắn hạn	310		9.714.340.915	10.835.173.575
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.8)	1.942.391.850	5.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		5.568.952.781	4.020.820.511
3. Người mua trả tiền trước	313		98.430.784	56.159.853
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.9)	730.928.452	572.770.673
5. Phải trả người lao động	315		657.302.346	631.003.440
6. Chi phí phải trả	316	(5.10)	649.115.286	362.147.131
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(5.11)	67.219.416	192.271.967
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
II. Nợ dài hạn	330		1.065.177.152	125.537.747
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.12)	900.000.000	
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		165.177.152	125.537.747
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	(5.13.1)	17.817.308.899	15.680.122.466
I. Vốn chủ sở hữu	410		17.417.760.657	15.267.023.102
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.13.2)	12.310.600.000	12.310.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		552.400.000	552.400.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		548.952.713	394.131.169
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(5.13.5)	4.005.807.944	2.009.891.933
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		399.548.242	413.099.364
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		399.548.242	413.099.364
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		28.596.826.966	26.640.833.788

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		374.964.264	376.364.264
5. Ngoại tệ			
+ USD			
+ EUR			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Kiên Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

LÂM NHỰT MINH

NGUYỄN HÙNG DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		80.624.616.845	72.029.844.822
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		300.228.389	306.543.780
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	80.324.388.456	71.723.301.042
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	62.745.864.661	55.708.352.533
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.578.523.795	16.014.948.509
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	277.732.058	226.176.312
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	664.547.753	908.730.125
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>467.146.936</i>	<i>768.996.600</i>
8. Chi phí bán hàng	24	(6.5)	9.796.527.198	8.115.531.101
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.6)	3.439.697.704	2.922.370.914
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.955.483.198	4.294.492.681
11. Thu nhập khác	31		173.091.308	57.273.607
12. Chi phí khác	32			6.937.800
13. Lợi nhuận khác	40		173.091.308	50.335.807
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.128.574.506	4.344.828.488
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.7)	722.500.539	1.172.084.801
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.406.073.967	3.172.743.687
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70	(5.13.4)	2.767	4.758

Kiên Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

LÂM NHỰT MINH

NGUYỄN HÙNG DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.128.574.506	4.344.828.488
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		511.916.990	502.908.574
Các khoản dự phòng	03		(9.158.976)	45.420.647
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(22.578.095)	(15.795.500)
Chi phí lãi vay	06		467.146.936	768.996.600
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		5.075.901.361	5.646.358.809
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		826.838.618	(19.215.182)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.379.465.056)	(2.129.862.066)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		1.357.671.098	(53.712.000)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(734.022.778)	67.125.662
Tiền lãi vay đã trả	13		(467.146.936)	(768.996.600)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(103.756.742)	(1.703.787.077)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		314.835.000	100.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(691.140.534)	(586.479.928)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.199.714.031	551.431.618
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.314.305.788)	(1.574.987.550)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		21.000.000	20.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(540.000.000)	(76.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		22.578.095	15.795.500
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.810.727.693)	(1.615.192.050)

(Phần tiếp theo ở trang 13)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			3.314.400.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		22.160.559.609	10.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(24.318.167.759)	(9.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(787.782.000)	(1.407.834.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.945.390.150)	2.906.566.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(1.556.403.812)	1.842.805.568
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.018.732.544	1.175.926.976
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		1.462.328.732	3.018.732.544

Kiên Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2010

KÊ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

LÂM NHỰT MINH

NGUYỄN HÙNG DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang được thành lập theo:

- Quyết định số 1760/QĐ-UB ngày 26 tháng 6 năm 2003 của Ủy Ban Nhân Dân (UBND) Tỉnh Kiên Giang.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56-03-000014 ngày 11 tháng 7 năm 2003 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700418394 vào ngày 12 tháng 02 năm 2009.

Trụ sở chính được đặt tại số 40, Đường Phạm Hồng Thái, Phường Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 12.310.600.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31/12/2009 gồm:

- Nhà sách Đông Hồ 1 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000807, ngày 26 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-001 vào ngày 25 tháng 02 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.
- Nhà sách Đông Hồ 2 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000808, ngày 26 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-002 vào ngày 25 tháng 02 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.
- Xưởng Mộc Rạch Sỏi được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh đầu số 56-13-000810, ngày 26 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-003 vào ngày 25 tháng 02 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.
- Cửa hàng Thiết Bị Đông Hồ được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh đầu số 56-13-000811, ngày 26 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-004 vào ngày 25 tháng 02 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.
- Nhà sách Đông Hồ Ròng Giềng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000876, ngày 09 tháng 07 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-005 vào ngày 25 tháng 02 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (1610);
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện (1629);
- Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa (1702);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa (17090);
- In ấn (18110); Dịch vụ liên quan đến in (18120);
- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác (46491);
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (46493);
- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh (46494);
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện (46495);
- Bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự (46496);
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (46497);
- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao (46498);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (46499);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (46510);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (46520);
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) (46592);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) (46594);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (46599);
- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) (46692);
- Bán buôn chuyên doanh khác còn lại (46699);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (4719);
- Bán lẻ lương thực (47210); Bán lẻ thực phẩm (4722); Bán lẻ đồ uống (47230);

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông (4741);
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn (47420);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (4752);
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác (4759);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (47610);
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) (47620);
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao (47630);
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi (47640);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da (4771);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới (4773);
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (47910);
- Bán lẻ hình thức khác (47990);
- Xuất bản sách (58110); Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (58130);
- Xuất bản phần mềm (58200); Lập trình máy vi tính (62010);
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính (62020);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (62090);
- Photo, chuẩn bị tài liệu (82191); Hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (82199);
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (95110); sửa chữa thiết bị liên lạc (95120);
- Đại lý internet.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký sổ cái.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được tính theo giá bìa (hoặc giá bán) trừ khoản chiết khấu trên giá bìa (hoặc giá bán).

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối năm tài chính xác định được lượng hàng hóa kém, mất chất lượng, chậm luân chuyển hoặc do Nhà nước quy định thay sách giáo khoa, công ty trích lập dự phòng 50% giá trị vào chi phí.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao tài sản cố định

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	03 – 08 năm
+ Phương tiện vận tải	06 – 08 năm
+ Thiết bị văn phòng	03 – 04 năm
+ Phần mềm quản lý nhà sách	03 năm

4.5. Nguyên tắc phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu là công cụ, dụng cụ xuất sử dụng có thời gian phân bổ bình quân là 4 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.6. Lương

Theo biên bản thẩm định đơn giá tiền lương năm 2009, quỹ lương năm 2009 được duyệt là 57,31% trên tổng thu nhập chưa tính lương, không bao gồm quỹ lương Ban Giám Đốc.

Tiền lương sản xuất phụ được hạch toán thẳng vào chi phí và giá thành sản phẩm không nằm trong đơn giá tiền lương được duyệt.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Trong năm 2009, Công ty trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ là 3% trên tổng quỹ tiền lương cơ bản.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi được trích lần lượt 5%, 10% và 3% trên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 (lợi nhuận này chưa bao gồm khoản giảm trừ 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2009).

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phân lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

4.10. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Ưu đãi, miễn giảm thuế: Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 về hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ, Công ty được giảm 30% thuế TNDN trong Quý 4 năm 2008 và trong năm 2009.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.11. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.12. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này.

(Phần tiếp theo trang 21)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	43.295.971	904.079.553
Tiền gửi ngân hàng	<u>1.419.032.761</u>	<u>2.114.652.991</u>
Tổng cộng	<u>1.462.328.732</u>	<u>3.018.732.544</u>

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	4.404.368.350	4.972.757.439
Trả trước cho người bán	111.766.223	260.033.752
Các khoản phải thu khác	<u>40.418.000</u>	<u>50.600.000</u>
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	4.556.552.573	5.283.391.191
Dự phòng phải thu khó đòi	<u>(71.766.875)</u>	<u>(79.953.375)</u>
Giá trị thuần của các khoản phải thu	<u>4.484.785.698</u>	<u>5.203.437.816</u>

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên vật liệu	1.963.088.750	728.165.900
Thành phẩm	272.674.000	210.737.000
Hàng hóa	<u>11.414.139.701</u>	<u>11.331.534.495</u>
Cộng giá gốc hàng tồn kho	13.649.902.451	12.270.437.395
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(22.869.393)</u>	<u>(23.841.869)</u>
Giá trị thuần có thể thực hiện	<u>13.627.033.058</u>	<u>12.246.595.526</u>

(Phần tiếp theo trang 22)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	3.742.728.072	801.196.482	745.854.146	407.693.729	5.697.472.429
Mua trong năm	-	180.860.000	-	38.327.489	219.187.489
Đầu tư XD/CB hoàn thành	1.995.118.299	-	-	-	1.995.118.299
Giảm khác	-	-	-	10.000.000	10.000.000
Số dư cuối năm	<u>5.737.846.371</u> (*)	<u>982.056.482</u>	<u>745.854.146</u>	<u>436.021.218</u>	<u>7.901.778.217</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	975.423.792	531.037.156	584.230.946	311.557.893	2.402.249.787
Khấu hao trong năm	272.471.214	136.139.502	68.412.332	34.893.942	511.916.990
Số dư cuối năm	<u>1.247.895.006</u>	<u>667.176.658</u>	<u>652.643.278</u>	<u>346.451.835</u>	<u>2.914.166.777</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	2.767.304.280	270.159.326	161.623.200	96.135.836	3.295.222.642
Tại ngày cuối năm	<u>4.489.951.365</u>	<u>314.879.824</u>	<u>93.210.868</u>	<u>89.569.383</u>	<u>4.987.611.440</u>

(*) Trong đó, Nhà cửa, vật kiến trúc của Nhà sách Đông Hồ 1, Nhà sách Đông Hồ 2 và Xưởng gỗ Rạch Sỏi với tổng nguyên giá là 2.430.952.595 đồng đã được đem đi thế chấp cho khoản vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tỉnh Kiên Giang theo Hợp đồng tín dụng số 09260036/HĐTD (xem Thuyết minh mục 5.8).

(Phần tiếp theo trang 23)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	2.054.555.000	10.670.000	2.065.225.000
Mua trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	2.054.555.000	10.670.000	2.065.225.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	10.670.000	10.670.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	10.670.000	10.670.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	2.054.555.000	-	2.054.555.000
Tại ngày cuối năm	2.054.555.000	-	2.054.555.000

Quyền sử dụng đất gắn liền với trụ sở làm việc số 40 Đường Phạm Hồng Thái, Phường Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang có nguyên giá là 514.555.000 đồng đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tỉnh Kiên Giang theo Hợp đồng tín dụng số 09260036/HĐTD (xem Thuyết minh mục 5.8).

5.6. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục Tại TP. Hồ Chí Minh (40.000 Cổ phần)	540.000.000	-
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đức Trí	76.000.000	76.000.000
Cho vay dài hạn	279.000.000 (*)	300.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	895.000.000	376.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	895.000.000	376.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

(*) Đây là khoản nợ của ông Trịnh Thanh Quang, được đảm bảo bằng quyền sử dụng nhà ở, đất ở số 150/2 Đường Ngô Quyền, Khu phố 4, Phường Vĩnh Bảo, Thành phố Rạch Giá theo hợp đồng thế chấp ngày 25/10/2006. Hợp đồng này thỏa thuận trong thời gian thế chấp là 3 năm, từ ngày 01/11/2006 đến ngày 31/10/2009, ông Quang sẽ thanh toán hết nợ, lãi suất 0,95%/tháng trên số dư nợ. Tuy nhiên, đến 31/12/2009 khoản nợ trên vẫn chưa được thanh toán hết.

5.7. Chi phí trả trước dài hạn

Đây là chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ.

5.8. Vay ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tỉnh Kiên Giang	1.942.391.850	3.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	2.000.000.000
Tổng cộng	1.942.391.850	5.000.000.000

Vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tỉnh Kiên Giang có chi tiết như sau:

Hợp đồng vay số : 09260036/HĐTD, ngày 31 tháng 03 năm 2009

Hạn mức vay : 14.000.000.000 đồng

Thời hạn vay : 06 tháng cho mỗi lần giải ngân kể từ ngày được ghi trên giấy nhận nợ

Lãi suất : 10,50%/năm

Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh

Tài sản đảm bảo : Quyền sử dụng đất gắn liền Trụ sở làm việc - số 40 Đường Phạm Hồng Thái, Phường Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Nhà sách Đông Hồ 1 - số 98B Đường Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Nhà sách Đông Hồ 2 - số 989 Đường Nguyễn Trung Trực, Phường An Bình, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Xưởng gỗ Rạch Sỏi - số 45 Đường Trần Cao Vân, Phường Rạch Sỏi, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Quyền sử dụng đất gắn liền cơ sở sản xuất kinh doanh Lô E16-30; Lô E16-31; Lô E16-32 thuộc dự án lấn biển xây dựng khu đô thị mới Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Nhà kho chứa sách Đường Kiều Công Thiện, Khu phố 2, Phường Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	8.427.913	449.394.871
Thuế thu nhập doanh nghiệp	722.500.539	103.756.742
Thuế thu nhập cá nhân	-	19.619.060
Tổng cộng	730.928.452	572.770.673

5.10. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí chiết khấu bán hàng	404.797.849	199.062.416
Chi phí thưởng bán hàng	244.317.437	163.084.715
Tổng cộng	649.115.286	362.147.131

5.11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	18.410.223	101.616.096
Chênh lệch đánh giá lại tài sản khi cổ phần hoá	-	90.273.706
Khác	48.809.193	382.165
Tổng cộng	67.219.416	192.271.967

5.12. Vay và nợ dài hạn

Đây là khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tỉnh Kiên Giang - chi tiết như sau:

Hợp đồng vay số : 09260090, ngày 07 tháng 07 năm 2009

Số tiền vay : 900.000.000 đồng

Thời hạn vay : 4 năm

Lãi suất : 10,5%/năm

Mục đích vay : Đầu tư mở rộng, cải tạo, nâng cấp tầng Nhà sách Đông Hồ 1

Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành trong tương lai (Nhà sách Đông Hồ 1)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.13. Vốn chủ sở hữu

5.13.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	6.155.300.000	-	562.809.007	4.251.930.418	438.344.946	11.408.384.371
Phát hành cổ phiếu trong năm trước	2.762.000.000	552.400.000	-	-	-	3.314.400.000
Phát hành cổ phiếu thường trong năm trước	3.393.300.000	-	-	(3.393.300.000)	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	3.172.743.687	-	3.172.743.687
Tăng khác	-	-	156.413.826	-	406.675.946	563.089.772
Giảm khác	-	-	(325.091.664)	(2.021.482.172)	(431.921.528)	(2.778.495.364)
Số dư đầu năm nay	12.310.600.000	552.400.000	394.131.169	2.009.891.933	413.099.364	15.680.122.466
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	3.406.073.967	-	3.406.073.967
Tăng khác	-	-	154.821.544	-	419.871.012	574.692.556
Giảm khác	-	-	-	(1.410.157.956)	(433.422.134)	(1.843.580.090)
Số dư cuối năm nay	12.310.600.000	552.400.000	548.952.713	4.005.807.944	399.548.242	17.817.308.899

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.13.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Nhà Nước	2.462.000.000	20,00%	2.462.000.000	20,00%
Công nhân viên	6.526.160.000	53,00%	8.440.040.000	69,00%
Đối tượng khác	<u>3.322.440.000</u>	<u>27,00%</u>	<u>1.408.560.000</u>	<u>11,00%</u>
Tổng cộng	<u>12.310.600.000</u>	<u>100,00%</u>	<u>12.310.600.000</u>	<u>100,00%</u>

5.13.3. Cổ phần

▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	1.231.060	1.231.060
▪ Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	1.231.060	1.231.060
+ Cổ phần ưu đãi	-	-
+ Cổ phần phổ thông	1.231.060	1.231.060
▪ Số lượng cổ phần được mua lại	-	-
+ Cổ phần ưu đãi	-	-
+ Cổ phần phổ thông	-	-
▪ Số lượng cổ phần đang lưu hành	1.231.060	1.231.060
+ Cổ phần ưu đãi	-	-
+ Cổ phần phổ thông	1.231.060	1.231.060
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

5.13.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	3.406.073.967	3.172.743.687
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân	<u>1.231.060</u>	<u>666.824</u>
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	<u>2.767</u>	<u>4.758</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.13.5. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	2.009.891.933	4.251.930.418
Lợi nhuận sau thuế trong năm	3.406.073.967	3.172.743.687
Bổ sung vốn điều lệ	-	(3.393.300.000)
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(154.821.544)	(156.413.826)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(402.536.012)	(406.675.946)
Chia cổ tức 2007	-	(1.107.954.000)
Chia cổ tức 2008	(787.782.000)	(299.880.000)
Chia cổ tức 2009	-	-
Thù lao HĐQT và BKS	<u>(65.018.400)</u>	<u>(50.558.400)</u>
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	<u>4.005.807.944</u>	<u>2.009.891.933</u>

(Phần tiếp theo trang 29)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	80.213.316.182	71.859.635.160
Doanh thu nội bộ	411.300.663	170.209.662
Các khoản giảm trừ	<u>(300.228.389)</u>	<u>(306.543.780)</u>
Doanh thu thuần	<u>80.324.388.456</u>	<u>71.723.301.042</u>

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	62.745.864.661	55.708.352.533

6.3. Doanh thu tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu được hưởng từ Nhà xuất bản	233.096.963	186.072.033
Lãi tiền gửi ngân hàng	22.578.095	15.189.779
Lãi trả chậm	19.837.000	10.795.500
Khác	<u>2.220.000</u>	<u>14.119.000</u>
Tổng cộng	<u>277.732.058</u>	<u>226.176.312</u>

6.4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	467.146.936	768.996.600
Chiết khấu thanh toán nội bộ	197.400.817	139.554.025
Chi phí khác	<u>-</u>	<u>179.500</u>
Tổng cộng	<u>664.547.753</u>	<u>908.730.125</u>

Chiết khấu thanh toán nội bộ là khoản trích 75% từ chiết khấu thanh toán nhanh được hưởng để khen thưởng công nhân viên có thành tích theo Biên bản thẩm định đơn giá tiền lương năm 2009 đã được Sở Tài Chính và Sở Lao động, Sở Nội Vụ và Sở Thương Bình và Xã Hội Tỉnh Kiên Giang thông qua ngày 11 tháng 02 năm 2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	5.255.373.900	4.546.289.158
Chi phí chiết khấu, thưởng bán hàng	1.148.027.639	1.135.485.312
Chi phí vật liệu, bao bì	172.741.340	155.082.000
Chi phí công cụ dụng cụ	343.685.948	232.134.787
Chi phí khấu hao tài sản cố định	395.430.923	318.796.708
Chi phí bảo hành	9.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.159.150.675	1.585.806.096
Chi phí bằng tiền khác	<u>313.116.773</u>	<u>141.937.040</u>
Tổng cộng	<u>9.796.527.198</u>	<u>8.115.531.101</u>

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.951.639.319	1.698.238.094
Chi phí đồ dùng văn phòng	84.858.260	45.760.355
Chi phí khấu hao tài sản cố định	103.917.519	171.543.318
Thuế, phí, lệ phí	48.469.059	95.553.594
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(8.186.500)	73.984.015
Chi phí dự phòng trợ cấp mất việc làm	10.296.417	49.926.267
Chi phí dịch vụ mua ngoài	423.857.979	229.760.160
Chi phí bằng tiền khác	<u>824.845.651</u>	<u>557.605.111</u>
Tổng cộng	<u>3.439.697.704</u>	<u>2.922.370.914</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.7. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.128.574.506	4.344.828.488
Các khoản điều chỉnh	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	4.128.574.506	4.344.828.488
Thuế TNDN theo thuế suất 28%	-	1.216.551.977
Thuế TNDN theo thuế suất 25%	1.032.143.627	-
Thuế TNDN được giảm 30%	309.643.088	44.467.176
Chi phí thuế TNDN hiện hành	722.500.539	1.172.084.801

7. Thông tin về các bên có liên quan

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	124.800.000	97.344.000
Lương Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc	339.446.204	333.738.376
Tổng cộng	464.246.204	431.082.376

8. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

9. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 18 tháng 01 năm 2010.

Kiên Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

LÂM NHỰT MINH

NGUYỄN HÙNG DŨNG